

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC MÊ
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:16/2019/HS-ST

Ngày 27-11-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC MÊ, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Văn Công.

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Phạm Thị Mận.

- Ông Phan Thanh Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Thiều Thị Minh Huyền Thư ký, Tòa án nhân dân huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang: Ông Ngô Quang Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 16/2019/TLST-HS ngày 12/11/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2019/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 11 năm 2019 đối với:

1. Bị cáo: Vi Văn L; Sinh năm 1987; Nơi sinh: Huyện Th B, tỉnh Phú Thọ; Nơi cư trú: Khu 15, xã Đ Th, huyện Th B, tỉnh Phú Thọ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Vi Văn B, sinh năm 1967 và con bà Vi Thị H, sinh năm 1964; Có vợ: Nông Thị H, sinh năm 1987 và có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2017, con nhỏ nhất sinh năm 2019; Anh, chị, em ruột: Có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; Tiền sự, tiền án: Không; Nhân thân: Không;

Tạm giữ: Ngày 08/10/2019 đến ngày 17/10/2019 hiện đang tại ngoại theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 11 ngày 17/10/2019 của Cơ quan CSĐT Công an huyện BM, tỉnh Hà Giang (Có mặt).

2. Bị hại: Anh Nguyễn Tiến Đ; Sinh năm 1981.

Nơi cư trú: Tổ 8 thị trấn VX, huyện VX, tỉnh Hà Giang.

(Có đơn xét xử vắng mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án

Anh: Nguyễn Văn Đ1; Sinh năm 1973.

Nơi cư trú: Thôn Ngọc Trì, xã MS, huyện BM, tỉnh Hà Giang.

(Có đơn xét xử vắng mặt)

4. Người làm chứng: Anh Phí Kiều H; Sinh năm 1988.

Nơi đăng ký HKTT: Thôn T Đ, xã Đ Đ, huyện VX, tỉnh Hà Giang (Có đơn xét xử vắng mặt).

Chỗ ở hiện nay: Thôn YC, thị trấn YPh, huyện BM, tỉnh Hà Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ ngày 03/10/2019 Vi Văn L; Nơi cư trú: Khu 15, xã Đ Th, huyện Th B, tỉnh Phú Thọ (*lái máy xúc thuê cho anh Nguyễn Văn Đ1, sinh năm 1973 ở thôn Ng Tr, xã MS, huyện BM*) (*mượn xe của anh Đ1*) điều khiển xe mô tô, xe máy BKS 22K7-9677, nhãn hiệu HONDA WAVE và mang theo 01 túi ba lô màu ghi bên trong có 01 chiếc tua vít, 01 cờ lê cỡ 17 đi từ xã MS, huyện BM đến thôn YC đi thị trấn YPh mục đích trộm cắp chiếc hộp đen của máy xúc nhãn hiệu DOOSAN DX140WA của anh Nguyễn Tiến Đ ở tổ 8 thị trấn VX, huyện VX, tỉnh Hà Giang (*Do trước đó L làm thuê lái máy xúc cho anh Đ nên biết rõ đường đi và vị trí chiếc máy xúc*), đến 22 giờ cùng ngày phát hiện chiếc máy xúc để cạnh đường giáp nhà anh Nguyễn Văn K, do thấy nhà anh K điện vẫn còn sáng và có người nên L đã điều khiển xe máy đi thêm 500m nữa thì dừng lại sau đó ngồi chờ đến 01 giờ sáng ngày 04/10/2019 thấy nhà anh K đi ngủ và xung quanh không có ai L quay lại vị trí để chiếc máy xúc dùng chìa khóa xe mô tô, xe máy nhãn hiệu TOYOTA mở cửa máy xúc, L trèo vào buồng lái dùng tua vít tháo vỏ nhựa ra dùng cờ lê tháo ốc vít ở 04 góc của hộp đen máy xúc, dùng dao nhọn ở trong buồng lái cắt các dây điện nối với hộp đen máy xúc và cờ lê, tua vít cho vào ba lô đi xe máy về đến ngã ba đường rẽ vào xã MS, huyện BM, đem giấu chiếc hộp đen vừa trộm cắp được vào trong bụi rậm ở cạnh đường rồi tiếp tục đi ra thành phố Hà Giang ngủ.

Ngày 05/10/2019 anh Phí Kiều H lái máy xúc thuê cho anh Nguyễn Tiến Đ, phát hiện chiếc hộp đen của máy xúc bị mất nên báo cho anh Đ sau đó anh Nguyễn Tiến Đ đến Công an huyện BM trình báo giải quyết theo quy định của pháp luật.

Do biết hành vi phạm tội của mình bị lộ và được sự động viên anh em người thân ngày 08/10/2019 L đến Công an huyện BM đầu thú và giao nộp lại tài sản chiếc hộp đen máy xúc.

Tại bản kết luận số 20 ngày 14/10/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận 01 hộp đen nhãn hiệu r - EPQS CONTROLLER, kích thước mặt có nhãn hiệu 24 x 32cm, mặt còn lại có kích thước 25 x 37cm, màu đen giá trị là **6.000.000đ** (*Sáu triệu đồng*).

Tại các biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản xác định hiện trường và biên bản thực nghiệm điều tra Vi Văn L chỉ dẫn đều phù hợp với lời khai của có trong hồ sơ vụ án.

Quá trình điều tra Cơ quan CSĐT Công an huyện BM đã tạm giữ vật chứng gồm: 01 chiếc ba lô màu ghi có chữ “Thủ đô vàng”; 01 hộp đen, nhãn hiệu r - EPQS CONTROLLER, kích thước mặt nhãn hiệu 24 x 32cm, mặt còn lại kích thước 25 x 37cm, màu đen; 01 chìa khóa xe mô tô, xe máy nhãn hiệu TOYOTA, màu trắng; 01 rắc cắm màu trắng, đầu có nhiều sợi dây điện nhiều màu khác nhau đã bị cắt dờ, kích thước 1,0 x 5,0cm; 01 rắc cắm màu vàng, đầu có nhiều sợi dây điện nhiều màu đã bị cắt rời, kích thước 1,0 x 1,75cm; 01 rắc cắm nhiều

sợi dây điện, màu đen kích thước 1,5 x 1,5 cm; 01 rắc cắm màu đen, có nhiều sợi dây điện nhiều màu kích thước 1,0 x 3,0cm; 01 rắc cắm màu đen, có nhiều sợi dây điện nhiều màu, có kích thước 1,0 x 2,5cm; 01 tua vít kích thước 25cm, chuôi cầm bằng nhựa màu đen; 01 cờ lê kích thước dài 20cm, cỡ 17; 01 thanh kim loại màu màu đen, kích thước 0,38 x 0,05m; 01 nắp nhựa hộp đen của máy xúc màu nâu có kích thước 0,4 x 0,32m; 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE màu Đen-Xám BKS: 22K7- 9677; 01 đăng ký xe mô tô, xe máy nhãn hiệu số 047932 mang tên Triệu Thị M sinh năm 1965 địa chỉ thôn Loa, xã Th L, huyện HY, tỉnh Tuyên Quang; 01 con dao kích thước dài 30cm; 01 vỏ bao dao làm bằng gỗ màu vàng kích thước dài 25cm.

Quá trình điều tra xác minh làm rõ xác định tài sản của chủ sở hữu không cần thiết tiết tục tạm giữ ngày 22/10/2019 Cơ quan CSĐT Công an huyện BM đã trả lại vật chứng cho:

- Anh Nguyễn Tiến Đ gồm: 01 hộp đen, nhãn hiệu r-EPQS CONTROLLER, kích thước mặt có nhãn hiệu 24 x 32cm, mặt còn lại kích thước 25 x 37cm, màu đen; 01 rắc cắm màu trắng, đầu có nhiều sợi dây điện nhiều màu khác nhau đã bị cắt dờ, kích thước 1,0 x 5,0cm; 01 rắc cắm màu vàng, đầu có nhiều sợi dây điện nhiều màu đã bị cắt rời, kích thước 1,0 x 1,75cm; 01 rắc cắm nhiều sợi dây điện, màu đen kích thước 1,5 x 1,5 cm; 01 rắc cắm màu đen, có nhiều sợi dây điện nhiều màu, có kích thước 1,0 x 3,0cm; 01 rắc cắm màu đen nhiều sợi dây điện nhiều màu kích thước 1,0 x 2,5cm; 01 thanh kim loại màu màu đen kích thước 0,38 x 0,05m; 01 nắp nhựa hộp đen của máy xúc màu nâu kích thước 0,4 x 0,32m.

- Anh Nguyễn Văn Đ1 gồm: 01 chìa khóa, nhãn hiệu TOYOTA, màu trắng; 01 xe mô tô, xe máy nhãn hiệu HONDA WAVE màu Đen-Xám BKS: 22K7-9677; 01 đăng ký mô tô, xe máy nhãn hiệu số 047932 mang tên Triệu Thị M; 01 tua vít kích thước 25cm, chuôi cầm bằng nhựa màu đen; 01 cờ lê kích thước dài 20cm, cỡ 17.

- Anh Phí Kiều H 01 con dao dài 30cm chuôi làm bằng gỗ; 01 vỏ bao dao làm bằng gỗ màu vàng dài 25cm.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Nguyễn Tiến Đ yêu cầu Vi Văn L bồi thường với tổng số tiền 19.700.000đ (*Mười chín triệu, bảy trăm nghìn đồng*) trong đó tiền sửa chữa máy xúc 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*), tiền ngày công bị mất do nghỉ làm máy xúc 9.700.000đ (*chín triệu, bảy trăm nghìn đồng*) hiện bị cáo đã bồi thường xong không đề nghị giải quyết.

Tại phiên tòa bị cáo khai hoàn toàn phù hợp với lời khai bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; Người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Tại cáo trạng số 16/CT-VKSBM ngày 12/11/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Mê truy tố bị cáo Vi Văn L về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên sau khi phân tích về tính chất vụ án, hành vi phạm tội của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự giữ

nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật như nội dung cáo trạng.
Đề nghị Hội đồng xét xử.

- Tuyên bố bị cáo: Vi Văn L phạm tội Trộm cắp tài sản.

- Hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38, Điều 50; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự về án treo.

Xử phạt bị cáo Vi Văn L từ 07 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo và thử thách 14 đến 18 tháng, thời hạn gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Về hình phạt bổ sung: Không.

- Về vật chứng:

Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc ba lô màu ghi có chữ “Thủ đô vàng” cũ đã qua sử dụng.

- Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại anh Nguyễn Tiến Đ sau khi nhận được tài sản và tiền bồi thường 19.700.000đ, không yêu cầu bồi thường thêm nên không đề cập xem xét.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn Đ1 sau khi nhận được tài sản không yêu cầu bồi thường thêm nên không đề cập xem xét.

- Về án phí:

Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Khoản 1 khoản 3 Điều 21, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Vi Văn L chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm 200.000đ.

Tranh luận tại phiên tòa

Bị cáo nhất trí với toàn bộ quan điểm kiểm sát viên đề nghị, nên không có tranh luận với kiểm sát viên.

Bị cáo thực hiện quyền nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đều được thực hiện theo đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật, không có khiếu nại, tố cáo, do đó hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đều hợp pháp.

- Tại phiên tòa bị hại anh Nguyễn Tiến Đ; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn Đ1; Người làm chứng anh Phí Văn H có đơn xét xử vắng mặt, có lời khai trong hồ sơ vụ án, không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án, căn cứ Điều 292, 293 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về tội danh: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình theo như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; Người làm chứng; Biên bản xác định hiện trường; Sơ đồ hiện trường; Bản ảnh hiện trường; Bản ảnh vật chứng; Bản kết luận định giá tài sản ... Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 01 giờ ngày 04/10/2019 Vi Văn L đã thực hiện hành vi trộm cắp 01 hộp đen máy xúc nhãn hiệu DOOSAN DX140WA của anh Nguyễn Tiến Đ để cạnh đường thôn YC, thị trấn YPh, huyện BM. Bản kết luận 01 hộp đen máy xúc trị 6.000.000đ (*Sáu triệu đồng*). Như vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội *Trộm cắp tài sản* theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ của hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, động cơ mục đích phạm tội là lỗi cố ý trực tiếp, bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, dân sự và nhận thức được việc trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật. Nhưng do ham chơi, lười lao động với mong muốn chiếm đoạt được tài sản của người khác, bị cáo đã lợi dụng đêm khuya ít người đi lại nên đã lén lút vào lấy trộm 01 hộp đen máy xúc, nhãn hiệu r-EPQS CONTROLLER của bị hại anh Nguyễn Tiến Đ rồi mang đi bán lấy tiền tiêu sài cá nhân. Như vậy cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm trọng xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra mới đủ răn đe giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cân nhắc, xem xét nhân thân các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có nhân thân tốt từ trước đến nay chưa vi phạm lần nào, chấp hành tốt chính sách pháp luật tại địa phương, có nơi cư trú rõ ràng, bị cáo rất ăn năn hối hận về hành vi phạm tội, mong muốn hưởng lượng khoan hồng của pháp luật, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi xảy ra bị cáo đến công an đầu thú, về phần dân sự bị cáo đã chủ động đến gặp bị hại anh Nguyễn Tiến Đ làm thành văn bản thỏa thuận mức bồi thường ngày 07/11/2019 toàn bộ tổng số tiền 19.700.000đ. Do vậy bị cáo có 03 tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng. Nên Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự và đối chiếu với quy định tại Điều 65 của Bộ luật hình sự, Nghị quyết số 02/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, thì bị cáo có đủ điều kiện được hưởng án treo và theo nguyện vọng phía bị hại có đơn xin cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã Đ Th, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo xử phạt tù nhưng được hưởng án treo nên hủy bỏ biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú theo quy định tại Điều 125, 278 của Bộ luật hình sự.

[5] Từ những căn cứ nêu trên, xét thấy mức án đại diện Viện Kiểm sát đề nghị xử phạt bị cáo về hình phạt, tiền án phí là có căn cứ chấp nhận.

[6] Về hình phạt bổ sung:

Bị cáo không có tài sản, thu nhập không ổn định, không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

[7] Trách nhiệm dân sự:

Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án nhận tài sản và tiền bồi thường xong, không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm. Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng:

Cơ quan điều tra khi thu giữ đã xác minh làm rõ, trả lại tài sản cho chủ sở hữu hợp pháp đúng quy định của pháp luật nên không xem xét.

Đối với 01 chiếc ba lô màu ghi có chữ “Thủ đô vàng” đã qua sử dụng của bị cáo dùng vào việc phạm tội, nhưng không có giá trị cần tịch thu tiêu hủy là phù hợp.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[10] Quyền kháng cáo:

Bị cáo; Bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- **Tuyên bố bị cáo:** Vi Văn L phạm tội Trộm cắp tài sản.

- **Hình phạt:** Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; Điều 50; Điểm b, điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Khoản 1, khoản 2 Điều 65 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Vi Văn L **08 (Tám)** tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách **16 (Mười sáu)** tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Vi Văn L cho UBND xã Đ Th, huyện Th B, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp chính quyền địa phương trong việc giám sát người được hưởng án treo, trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó chấp hành hình phạt tù của bản án đã được hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp

hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 125; khoản 1 Điều 278 của Bộ luật Tố tụng hình sự, hủy bỏ biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú bị cáo Vi Văn L xử phạt tù nhưng được hưởng án treo, kể từ ngày tuyên án.

- **Về trách nhiệm dân sự:** Không.

- **Về vật chứng:** Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc ba lô màu ghi có chữ “Thủ đô vàng” đã qua sử dụng.

(Tình trạng vật chứng như trong biên bản giao, nhận vật chứng ngày 12/11/2019 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện BM và Chi cục Thi hành án dân sự huyện BM).

- **Về án phí:** Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Khoản 1 khoản 3 điều 21, khoản 1 điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Vi Văn L chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm 200.000đ.

- **Về quyền kháng cáo:** Bị cáo; Bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nếu vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh HG;
- VKSND huyện+VKSND tỉnh HG;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện BM;
- Sở tư pháp HG;
- Phòng PV06 CA tỉnh HG;
- Nhà tạm giữ Công an huyện BM;
- Cơ quan THAHS CA huyện BM;
- Chi cục THADS huyện BM;
- Bị cáo; Bị hại;
- Người có QLNVLQ đến vụ án;
- UBND xã Đ Th;
- Lưu: Hồ sơ vụ án & Hồ sơ THAHS.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Dương Văn Công